

DANH SÁCH NHẬN TIỀN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
Học kỳ 1 - Năm học: 2023-2024

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của chính phủ ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;
- Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21/3/2022 về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022.

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mã số	Mức hỗ trợ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP (HTCPHT)			Tổng cộng	Ký xác nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
					Số tháng	Định mức	Thành tiền			
					4	5	6= 4x5			
1	Nguyễn Hoàng Mộc Nhiên	1/5	Hộ nghèo	26881120253HN	4	150.000	600.000	600.000	04/17/2023 Ông Th. Huân	
2	Bùi Lê Hùng Lâm	2/1	Hộ nghèo	26898090061 HN	4	150.000	600.000	600.000	07/18/2023 Lê Thị Bích Vân	Me
3	Nguyễn Tường Nam	3/3	Hộ nghèo	26881120253 HN	4	150.000	600.000	600.000	07/17/2023 Ông Th. Huân	05/17/2023 000078
4	Trần Mai Ngọc Duyên	3/7	Hộ nghèo	26898070144 HN	4	150.000	600.000	600.000	Bà Mai Thị Bình	me 002982
5	Nguyễn Thị Thiên Kim	4/1	Hộ nghèo	26881080264 HN	4	150.000	600.000	600.000	07/17/2023 Nguyễn Văn Hòa	Ba
6	Bùi Lê Hùng Luân	4/5	Hộ nghèo	26898090061 HN	4	150.000	600.000	600.000	07/18/2023 Lê Thị Bích Vân	me
7	Bùi Lê Hùng Long	5/11	Hộ nghèo	26898090061 HN	4	150.000	600.000	600.000	07/18/2023 Lê Thị Bích Vân	me
8	Nguyễn Phúc Bảo Long	5/6	Hộ nghèo	26881050241 HN	4	150.000	600.000	600.000	07/18/2023 Trần Văn Hòa	Ba ngoài
9	Đinh Minh Nhật	5/6	Hộ nghèo	26898080193 HN	4	150.000	600.000	600.000	07/18/2023 Trần Thị Thuý	me
10	Trần Mai Ngọc Dương	5/14	Hộ nghèo	26898070144 HN	4	150.000	600.000	600.000	05/17/2023 Bà Mai Thị Bình	me
11	Lê Hữu Nam	1/2	Trí tuệ	26881000519 (11/07/2023)	4	150.000	600.000	600.000	04/09/2023 Đỗ Hữu Bình	Ba
12	Hoàng Nguyễn Nhật Nam	2/1	Thần kinh	26881000490 (10/9/2022)	4	150.000	600.000	600.000	04/19/2023 Nguyễn Thị Huyền	me
13	Bùi Anh Khôi	2/2	Tâm thần	26881000482 (10/6/2022)	4	150.000	600.000	600.000	07/18/2023 Trần Thị Thuý	me
14	Lê Minh Khang	2/3	Trí tuệ	26881000514 (21/6/2023)	4	150.000	600.000	600.000	07/18/2023 Lê Thị Bích Vân	Ba

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mã số	Mức hỗ trợ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP (HTCPHT)			Tổng cộng	Ký xác nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
					Số tháng	Định mức	Thành tiền			
					4	5	6 = 4x5			
15	Trần Võ Đức	2/4	Tâm thần	26881000483 (25/7/2022)	4	150.000	600.000	600.000	Trần Võ Đức 040087000022	ba
16	Phạm Lê Anh Khôi	2/7	Trí tuệ	26881000516 (21/07/2023)	4	150.000	600.000	600.000	Phạm Lê Anh Khôi 082190012290	
17	Lê Nguyễn Minh Khang	2/7	Tâm thần	26898.000106 (17/11/2022)	4	150.000	600.000	600.000	Lê Nguyễn Minh Khang 056190013160	me
18	Nguyễn Hải Phong	3/3	Tâm thần	26898000100 (30/8/2022)	4	150.000	600.000	600.000	Nguyễn Hải Phong 079184011849	me
19	Nguyễn Chấn Thịnh	3/4	Khác	26881000509 (01/06/2023)	4	150.000	600.000	600.000	Nguyễn Chấn Thịnh 054188010167	
20	Nguyễn Mỹ Quỳnh Thu	3/5	Thần kinh	26881000492 (02/10/2022)	4	150.000	600.000	600.000	Nguyễn Mỹ Quỳnh Thu 075081000105	U
21	Phạm Như Bảo Ngọc	3/10	Thần kinh	08/HCM/GV/373 (18/6/2018)	4	150.000	600.000	600.000	Phạm Như Bảo Ngọc 05617300337	me
22	Thái Nguyễn Thanh Trúc	4/6	Trí tuệ	27007.000351 (05/10/2020)	4	150.000	600.000	600.000	Thái Nguyễn Thanh Trúc 062183003406	me
23	Trần Gia Huy	5/1	Thần kinh	070.086 (05/08/2019)	4	150.000	600.000	600.000	Trần Gia Huy 0541790069422	me
24	Trần Kim Lượng	5/1	Tâm thần	26881000436 (01/12/2019)	4	150.000	600.000	600.000	Trần Kim Lượng 055887008586	ba
25	Nguyễn Hoàng Đạt	5/5	Trí tuệ	26882.000031 (07/11/2019)	4	150.000	600.000	600.000	Nguyễn Hoàng Đạt 0381741100068	
26	Lý Hồng Phúc	5/5	Nghe, nói	26882.000028 (02/11/2019)	4	150.000	600.000	600.000	Lý Hồng Phúc 045182001191	
27	Trần Vũ Thiên Phúc	5/8	Trí tuệ	26882.000020 (12/5/2018)	4	150.000	600.000	600.000	Trần Vũ Thiên Phúc 045182001191	
28	Lê Thảo Nghi	5/11	Vận động	27013349 (15/8/2023)	4	150.000	600.000	600.000	Lê Thảo Nghi 054186012743	me
29	Trần Minh Khang	5/11	Nghe, nói	08/HCM/GV/295 (10/9/2019)	4	150.000	600.000	600.000	Trần Minh Khang 054188000008	me
TỔNG CỘNG							17.400.000	17.400.000		

Số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng

Kế toán



Nguyễn Thu Thủy

Gò Vấp, ngày 18 tháng 10 năm 2024



DANH SÁCH NHẬN TIỀN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
Học kỳ 2 - Năm học: 2023-2024

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của chính phủ ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;
- Công văn số 794/SGDDT-KHTC ngày 21/3/2022 về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022.

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mã số	Mức hỗ trợ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP (HTCPHT)			Ký xác nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
					Số tháng	Định mức	Thành tiền		
					4	5	6= 4x5		
1	Nguyễn Hoàng Mộc Nhiên	1/5	Hộ nghèo	26881120253HN	5	150.000	750.000	079135013469 Em Lê Thị Thu	
2	Bùi Lê Hùng Lâm	2/1	Hộ nghèo	26898090061 HN	5	150.000	750.000	074184000249 Lê Thị Bích Vân	Me
3	Nguyễn Tường Nam	3/3	Hộ nghèo	26881120253 HN	5	150.000	750.000	079135013469 Em Lê Thị Thu	
4	Bùi Lê Hùng Luân	4/5	Hộ nghèo	26898090061 HN	5	150.000	750.000	074184000249 Lê Thị Bích Vân	Me
5	Nguyễn Phúc Bảo Long	5/6	Hộ nghèo	26881050241 HN	5	150.000	750.000	07916601645 Em Lê Thị Thu	Bà Nguyễn
6	Đinh Minh Nhật	5/6	Hộ nghèo	26898080193 HN	5	150.000	750.000	034183019182 Phụ Nữ Nguyễn Thị Thu	Me
7	Bùi Lê Hùng Long	5/11	Hộ nghèo	26898090061 HN	5	150.000	750.000	074184000249 Lê Thị Bích Vân	Me
8	Lê Hữu Nam	1/2	Khuyết tật	26881000519 (11/07/2023)	5	150.000	750.000	040992026877 Lê Thị Thu	Bà
9	Hoàng Nguyễn Nhật Nam	2/1	Khuyết tật	26881000490 (10/9/2022)	5	150.000	750.000	046193000093 Nguyễn Thị Hiền Hoa	Me

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mã số	Mức hỗ trợ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP (HTCPHT)			Ký xác nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
					Số tháng	Định mức	Thành tiền		
					4	5	6= 4x5		
10	Bùi Anh Khôi 3 ⁷	2/2	Khuyết tật	26881000482 (10/6/2022)	5	150.000	750.000	Trần Văn Tuấn 066193 001373	Mẹ
11	Lê Minh Khang 3 ⁵	2/3	Khuyết tật	26881000514 (21/6/2023)	5	150.000	750.000	Lê Hà 0569413822	Ba
12	Trần Võ Đức 3 ⁶	2/4	Khuyết tật	26881000483 (25/7/2022)	5	150.000	750.000	Trần Văn Tuấn 040087000502	Ba
13	Phạm Lê Anh Khôi 3 ⁵	2/7	Khuyết tật	26881000516 (21/07/2023)	5	150.000	750.000	Trần Văn Tuấn 062190012296	Mẹ
14	Lê Nguyễn Minh Khang 3 ⁷	2/7	Khuyết tật	26898.000106 (17/11/2022)	5	150.000	750.000	Nguyễn Văn Tuấn 056190013160	Mẹ
15	Nguyễn Hải Phong 4 ⁶	3/3	Khuyết tật	26898000100 (30/8/2022)	5	150.000	750.000	Hùng Thị Minh Phượng 079184011849	Mẹ
16	Nguyễn Chấn Thịnh 4 ⁵	3/4	Khuyết tật	26881000509 (01/06/2023)	5	150.000	750.000	Nguyễn Văn Tuấn 051188010167	
17	Nguyễn Mỹ Quỳnh Thu 4 ⁶	3/5	Khuyết tật	26881000492 (02/10/2022)	5	150.000	750.000	Nguyễn Văn Tuấn 07308150105	Ba
18	Phạm Như Bảo Ngọc 4 ¹⁰	3/10	Khuyết tật	08/HCM/GV/373 (18/6/2018)	5	150.000	750.000	Nguyễn Văn Tuấn 056177000387	Mẹ
19	Thái Nguyễn Thanh Trúc 5 ³	4/6	Khuyết tật	27007.000351 (05/10/2020)	5	150.000	750.000	Nguyễn Văn Tuấn 062183 003006	
20	Trần Gia Huy	5/1	Khuyết tật	070.086 (05/08/2019)	5	150.000	750.000	Đặng Thị Thuận 05119000 3422	
21	Trần Kim Lượng	5/1	Khuyết tật	26881000436 (01/12/2019)	5	150.000	750.000	Nguyễn Thị Hiền 0933991566	
22	Nguyễn Hoàng Đạt	5/5	Khuyết tật	26882.000031 (07/11/2019)	5	150.000	750.000	Nguyễn Văn Tuấn 058082009586	Ba
23	Lý Hồng Phúc	5/5	Khuyết tật	26882.000028 (02/11/2019)	5	150.000	750.000	Trần Văn Tuấn	

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mã số	Mức hỗ trợ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP (HTCPHT)			Ký xác nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
					Số tháng	Định mức	Thành tiền		
					4	5	6= 4x5		
24	Trần Vũ Thiên Phúc	5/8	Khuyết tật	26882.000020 (12/5/2018)	5	150.000	750.000	Giáo dục phổ thông 045182001191	linh
25	Lê Thảo Nghi	5/11	Khuyết tật	27013349 (15/8/2023)	5	150.000	750.000	Nguyễn Thị Mỹ Dung 064186012743	me
26	Trần Minh Khang	5/11	Khuyết tật	08/HCM/GV/295 (10/9/2019)	5	150.000	750.000	Nguyễn Thị Mỹ Liên 051188000708 -nhiều	me
27	Lâm Ngọc Uyên Thư	1/5	Khuyết tật	26898.000151 (10/01/2024)	5	150.000	750.000	ie Lâm Nhi Loan 096088012684	
TỔNG CỘNG							20.250.000		

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng

Kế toán



Nguyễn Thu Thủy

Gò Vấp, ngày 18 tháng 10 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Đam Triệu Thọ

